TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41**/2023/DS-ST

Ngày: 14/4/2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hổ

Bà Dương Thị Thanh Thúy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hoa Hạ– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Vào các ngày 13 và 14 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 208/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T.**

Địa chỉ: đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường V, Quận D, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hoàng C** – Giám đốc Chi nhánh BT.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông **Đặng Minh Th**, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: số Đại lộ Đ, phường P, thành phố BT, tỉnh BT.

2. Bị đơn: - Bà **Kiên Thị Thu H**, sinh năm 1981.

- Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: khu phố B, phường K, thành phố BT, tỉnh BT.

Ông Đặng Minh Th có mặt;

Bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đặng Minh Th trình bày:

Bên vay là bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L có ký hợp đồng vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T chi nhánh BT (Ngân hàng), cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số LD1829000064 ngày 17/10/2018:

Ngày 17/10/2018 bên vay bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L có ký hợp đồng vay với Ngân hàng, qua xác minh thực tế nhu cầu sử dụng vốn và tình hình kinh tế của khách hàng, Ngân hàng đã đồng ý cho bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số LD1829000064 ngày 17/10/2018.

Số tiền vay: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); mục đích sử dụng vốn: sửa nhà: lãi suất: 14,4%/năm; Thời gian vay: 5 năm; Ngày đáo hạn: 17/10/2023; Phương thức trả: Vốn thanh toán hàng tháng 5.000.000 đồng, lãi tính theo dư nợ giảm dần.

Trong quá trình thanh toán từ ngày 17/10/2018 đến ngày 13/4/2023bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L vẫn thanh toán cho ngân hàng với số vốn và lãi đã trả là: 370.773.788 đồng. Trong đó: Vốn đã trả: 265.000.000 đồng; Lãi đã trả:105.773.788 đồng.

Tổng vốn và lãi tính đến ngày 13/4/20223 còn lại là 35.460.000 đồng; trong đó: Vốn gốc: 35.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 460.000 đồng.

Do khoản vay thẻ tín dụng của bà Kiên Thị Thu H đang bị quá hạn nhóm 4 kéo theo khoản vay bị quá hạn kéo theo phân loại nhóm 4.

2. Khoản vay theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/10/2018 của Sacombank với bà Kiên Thị Thu H:

Ngày 15/10/2018 bên vay là bà Kiên Thị Thu H có đề nghị với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – CN BT cấp thẻ tín dụng. Qua xác minh thực tế nhu cầu sử dụng và tình hình tài chính, thu nhập của khách hàng. Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – CN BT đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Kiên Thị Thu H theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/10/2018. Loại thẻ JCB classic, hạn mức tín dụng thẻ được cấp là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), mục đích tiêu dùng, lãi suất: 2,6%/tháng. Thời hạn sử dụng thẻ là 03 năm và thẻ tự động gia hạn thời gian sử dụng.

Hàng tháng khách hàng phải thanh toán 5% dư nợ đầu kỳ (chốt dư nợ đầu kỳ ngày 15 tây hàng tháng), Ngân hàng sẽ cho khách hàng 25 ngày để thanh toán. Nếu khách hàng phát sinh trễ hạn sẽ bị thu phí phạt bằng 6% (tối thiểu 80.000) số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ đó.

Nếu khách hàng không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền thanh toán tối thiểu sau 02 kỳ chốt thông báo giao dịch cộng 10 ngày thẻ sẽ chuyển sang nợ nhóm 2. Từ thời điểm chuyển nhóm 2 nếu khách hàng không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu của 2 kỳ chốt giao dịch sau thời gian 90 ngày thẻ sẽ chuyển nợ nhóm 3 và chốt toàn bộ dư nợ thành vốn gốc, lãi phát sinh sau khi chuyển nhóm 3 sẽ bằng 150% lãi trong hạn.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Kiên Thị Thu H đã thực hiện các giao dịch

với tổng số tiền là 91.400.000 đồng (Chín mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng). Trong quá trình thanh toán hợp đồng từ ngày 22/11/2018 đến ngày 22/07/2022 bà Kiên Thị Thu H thanh toán tổng cộng 42.164.918 đồng (Bốn mươi hai triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm mười tám đồng).

Sau khi tiến hành khởi kiện, ngày 26/09/2022 bà Kiên Thị Thu H thanh toán cho ngân hàng 1.150.000, ngày 26/10/2022 thanh toán 1.240.000 đồng. Ngân hàng đã thu vào vốn gốc khoản vay thẻ tín dụng.

Thẻ tín dụng của bà Kiên Thị Thu H đang quá hạn nhóm 4. Tổng vốn, lãi thẻ tín dụng hiện tại tính đến ngày 13/4/2023 còn nợ là 114.462.135 đồng. Trong đó: Vốn gốc: 92.254.848 đồng; Lãi phát sinh: 22.207.305 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm Hợp đồng tín dụng số LD1829000064 ngày 17/10/2018 và thẻ tín dụng của bà Kiên Thị Thu H thuộc quyền sử dụng của khách hàng cụ thể như sau:

Quyền sử dụng 237,4 m^2 đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 653, tờ bản đồ số 05 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CS01809 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 06/12/2016 cho bà Kiên Thị Thu H làm chủ sử dụng.

3. Hợp đồng tín dụng số LD1914800188 ngày 28/05/2019:

Ngày 28/05/2019 bên vay bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L có ký hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – CN BT, qua xác minh thực tế nhu cầu sử dụng vốn và tình hình kinh tế của khách hàng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – CN BT đã đồng ý cho bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số LD1914800188 ngày 28/05/2019.

Số tiền vay: 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng); mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng: 13,2%/năm; Thời gian vay: 5 năm; Ngày đáo hạn: 17/10/2023; Phương thức trả: Vốn thanh toán hàng tháng 4.170.000 đồng, lãi tính theo dư nợ giảm dần.

Trong quá trình thanh toán từ ngày 28/05/2019 đến ngày 13/4/2023 bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L vẫn thanh toán cho ngân hàng với số vốn và lãi đã trả là: 263.178.227 đồng. Trong đó: Vốn đã trả: 187.650.000 đồng; Lãi đã trả: 75.518.227 đồng.

Tổng vốn lãi tính đến ngày 13/4/2023 còn nợ là 58.566.000 đồng; trong đó: Vốn gốc 58.180.000 đồng. Lãi trong hạn: 386.000 đồng.

Hiện khoản vay trên bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L vẫn thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng, Do khoản vay thẻ tín dụng của bà Kiên Thị Thu H đang bị quá hạn nhóm 3 kéo theo khoản vay bị quá hạn kéo theo phân loại nhóm 3.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay Hợp đồng tín dụng số LD1914800188 ngày 28/05/2019 thuộc quyền sử dụng của khách hàng cụ thể như sau:

Quyền sử dụng 239,4 m^2 đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 652, tờ bản đồ số 05 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CS02761 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 10/04/2019 cho bà Kiên Thị Thu H làm chủ sử dụng.

Căn cứ khoản 26.1 và 26.3 Điều 26 Phụ lục Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân thì bà Kiên Thị Thu H đã vi phạm hợp đồng khi không thanh toán thẻ tín dụng dẫn đến khoản vay thẻ tín dụng bị quá hạn nên Ngân hàng đình chỉ thẻ tín dụng nêu trên.

Căn cứ khoản d Điều 1 Phụ lục các điều khoản chung đính kèm Hợp đồng tín dụng số LD1829000064 ngày 17/10/2018 thì bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L đã vi phạm hợp đồng khi không thanh toán đúng hạn thẻ tín dụng dẫn đến khoản vay bị quá hạn nên Ngân hàng đình chỉ hợp đồng tín dụng nêu trên.

Căn cứ khoản 1.2 Điều 1 Phụ lục các điều khoản chung đính kèm Hợp đồng tín dụng số LD1914800188 ngày 28/05/2019 thì bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L đã vi phạm hợp đồng khi không thanh toán đúng hạn thẻ tín dụng nên Ngân hàng đình chỉ hợp đồng tín dụng nêu trên.

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, bằng văn bản này Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín kính đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm liên đới trả 01 lần cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (do Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – CN Bến Tre nhận thay) toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại của hợp đồng tín dụng số LD1829000064 ngày 17/10/2018 tính đến ngày 13/4/2023 là 35.460.000 đồng (trong đó: Vốn gốc: 35.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 460.000 đồng). Ngân hàng được tiếp tục tính lãi phát sinh trên vốn gốc còn lại của Hợp đồng tín dụng trên từ ngày 14/4/2023 đến khi bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L trả tất toán nợ cho ngân hàng.

2. Buộc bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm liên đới trả 01 lần cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (do Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – CN Bến Tre nhận thay) toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại của hợp đồng tín dụng số LD1914800188 ngày 28/05/2019 tính đến ngày 13/4/2023 còn nợ là 58.566.000 đồng; trong đó: Vốn gốc 58.180.000 đồng. Lãi trong hạn: 386.000 đồng. Ngân hàng được tiếp tục tính lãi phát sinh trên vốn gốc còn lại của Hợp đồng tín dụng trên từ ngày 14/4/2023 đến khi bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L trả tất toán nợ cho ngân hàng.

3. Buộc cá nhân bà Kiên Thị Thu H phải trả 01 (một) lần cho Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (do Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – CN Bến Tre nhận thay) toàn bộ số tiền nợ thẻ tín dụng nêu trên là tính đến ngày 13/4/2023 là là 114.462.135 đồng. Trong đó: Vốn gốc: 92.254.848 đồng; Lãi phát sinh: 22.207.305 đồng. Ngân hàng tiếp tục tính lãi của thẻ tín dụng trên từ ngày 14/4/2023 đến khi bà Kiên Thị Thu H trả tất nợ cho Ngân hàng.

4. Trường hợp bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng, kính đề nghị quý Tòa ra phán quyết cho xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LD1829000064 ngày 18/10/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản số LD1914800188 ngày 28/05/2019 mà bên vay là bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L đã ký để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng tín dụng số LD1829000064 ngày 18/10/2018, khoản vay cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày

15/10/2018 của bà Kiên Thị Thu H; Hợp đồng tín dụng số LD1914800188 ngày 28/05/2019 cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh Bến Tre cụ thể như sau:

Tài sản 1:

Quyền sử dụng 237,4 m^2 đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 653, tờ bản đồ số 05 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CS01809 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 06/12/2016 cho bà Kiên Thị Thu H làm chủ sử dụng.

Tài sản 2:

Quyền sử dụng 239,4 m^2 đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 652, tờ bản đồ số 05 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CS02761 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 10/04/2019 cho bà Kiên Thị Thu H làm chủ sử dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H, ông L vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L trả số tiền đã vay theo hợp đồng giữa các bên ký kết và hiện bà H và ông L đang cư trú tại thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông bà vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời cũng không có người đại diện nên không thể tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được, Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bà H, ông L vẫn không có mặt để tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H và ông L.

[2] *Về xét nội dung yêu cầu khởi kiện*:

Hội đồng xét thấy, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/10/2018; Hợp đồng tín dụng số LD1829000064 ngày 17/10/2018 và Hợp đồng tín dụng số LD1914800188 ngày 28/05/2019 được ký kết bằng văn bản, trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[2.1] Đối với giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/10/2018, bà Hai được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Bến Tre cấp Loại thẻ JCB classic, hạn mức tín dụng thẻ được cấp là 90.000.000 đồng (Chín

mươi triệu đồng), mục đích tiêu dùng, lãi suất: 2,6%/tháng. Thời hạn sử dụng thẻ là 03 năm và thẻ tự động gia hạn thời gian sử dụng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Kiên Thị Thu H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 91.400.000 đồng. Trong quá trình thanh toán hợp đồng từ ngày 22/11/2018 đến ngày 22/07/2022 bà Kiên Thị Thu H thanh toán tổng cộng 42.164.918 đồng.

Sau khi tiến hành khởi kiện, ngày 26/09/2022 bà Kiên Thị Thu H thanh toán cho ngân hàng 1.150.000, ngày 26/10/2022 thanh toán 1.240.000 đồng. Ngân hàng đã thu vào vốn gốc khoản vay thẻ tín dụng.

Tổng dư nợ thẻ tín dụng hiện tại tính đến ngày 13/4/2023 còn nợ là 114.462.135 đồng. Trong đó: Vốn gốc: 92.254.848 đồng; Lãi phát sinh: 22.207.305 đồng.

Bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/10/2018. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền này và tiền lãi phát sinh từ ngày 14/4/2023 đến ngày bà H trả tất nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo hợp đồng tín dụng đã ký là có cơ sở nên được chấp nhận**.**

[2.2] Đối với Hợp đồng tín dụng số LD1829000064 ngày 17/10/2018, bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); mục đích sử dụng vốn: sửa nhà: lãi suất: 14,4%/năm; Thời gian vay: 5 năm; Ngày đáo hạn: 17/10/2023; Phương thức trả: Vốn thanh toán hàng tháng 5.000.000 đồng, lãi tính theo dư nợ giảm dần.

Trong quá trình thanh toán từ ngày 17/10/2018 đến ngày 13/4/2023bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L vẫn thanh toán cho ngân hàng với số vốn và lãi đã trả là: 370.773.788 đồng. Trong đó: Vốn đã trả: 265.000.000 đồng; Lãi đã trả:105.773.788 đồng.

Tổng vốn và lãi tính đến ngày 13/4/2023 còn nợ lại là 35.460.000 đồng; trong đó: Vốn gốc: 35.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 460.000 đồng.

Bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/10/2018. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền này và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/01/2023 đến ngày bà H trả tất nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo hợp đồng tín dụng đã ký là có cơ sở nên được chấp nhận**.**

[2.3] Hợp đồng tín dụng số LD1914800188 ngày 28/05/2019, bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L vay 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng); mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng: 13,2%/năm; Thời gian vay: 5 năm; Ngày đáo hạn: 17/10/2023; Phương thức trả: Vốn thanh toán hàng tháng 4.170.000 đồng, lãi tính theo dư nợ giảm dần.

Trong quá trình thanh toán từ ngày 28/05/2019 đến ngày 13/4/2023 bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L vẫn thanh toán cho ngân hàng với số vốn và lãi đã trả là: 263.178.227 đồng. Trong đó: Vốn đã trả: 187.650.000 đồng; Lãi đã trả: 75.518.227 đồng.

Tổng vốn lãi tính đến ngày 13/4/2023 còn nợ là 58.566.000 đồng; trong đó: Vốn gốc 58.180.000 đồng. Lãi trong hạn: 386.000 đồng.

Hội đồng xét thấy:

Bà H đã được cấp thẻ tín dụng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/10/2018 là 90.000.000 đồng, bà H đã nhận thẻ tín dụng và thực hiện nhiều giao dịch với tổng số tiền giao dịch là 91.400.000 đồng. Tổng dư nợ thẻ tín dụng hiện tại tính đến ngày 13/4/2023 là: 114.462.135 đồng. (Trong đó: Vốn gốc: 92.254.848 đồng; Lãi phát sinh: 22.207.305 đồng).

Bà H và ông L vay theo Hợp đồng tín dụng số LD1829000064 ngày 17/10/2018, số tiền 300.000.000 đồng, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H và ông L đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền 370.773.788 đồng. (Trong đó: Vốn đã trả: 265.000.000 đồng; Lãi đã trả:105.773.788 đồng). Tổng vốn và lãi tính đến ngày 13/4/2023 còn nợ lại là 35.460.000 đồng; trong đó: Vốn gốc: 35.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 460.000 đồng.

Bà H và ông L vay theo Hợp đồng tín dụng số LD1914800188 ngày 28/05/2019, số tiền 250.000.000 đồng, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H và ông L đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền 263.178.227 đồng. (Trong đó: Vốn đã trả: 187.650.000 đồng; Lãi đã trả: 75.518.227 đồng). Tổng vốn lãi tính đến ngày 13/4/2023 còn nợ là 58.566.000 đồng; (trong đó: Vốn gốc 58.180.000 đồng; Lãi trong hạn: 386.000 đồng).

Việc bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/10/2018; bà H và ông L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số LD1829000064 ngày 17/10/2018 và theo hợp đồng tín dụng số LD1914800188 ngày 28/05/2019 là đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền nợ thẻ tín dụng, yêu cầu bà H và ông L trả nợ theo hợp đồng tín dụng và tiền lãi phát sinh từ ngày 14/4/2023 đến ngày bà H và ông L trả tất nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo lãi suất thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/10/2018, Hợp đồng tín dụng số LD1829000064 ngày 17/10/2018 và theo hợp đồng tín dụng số LD1914800188 ngày 28/05/2019 là có cơ sở nên được chấp nhận.

Tổng số tiền bà H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T chi nhánh BT là 114.462.135 đồng. (Trong đó: Vốn gốc: 92.254.848 đồng; Lãi phát sinh: 22.207.305 đồng).

Tổng số tiền mà bà H và ông L liên đới trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Bến Tre là nợ gốc là lãi là 94.026.000 đồng. (trong đó gốc là 93.180.000 đồng; lãi là 846.000 đồng)

[2.4] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Xét thấy, bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L vay tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có bảo đảm bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LD1829000064 ngày 18/10/2018. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 237,4 m^2 đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 653, tờ bản đồ số 05 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CS01809 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 06/12/2016 cho bà Kiên Thị Thu H làm chủ sử dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản số LD1914800188 ngày 28/05/2019, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 237,4 m^2 đất trồng cây lâu năm, tọa lạc

tại phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 653, tờ bản đồ số 05 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CS01809 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 06/12/2016 cho bà Kiên Thị Thu H làm chủ sử dụng.

Hợp đồng thế chấp nêu trên được giao kết trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bà H và ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng nên có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Bà Kiên Thị Thu H phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% là 5.723.100 đồng.

Bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L phải trả liên đới nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín nên bà H và ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.701.300 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng các Điều 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 40, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín đối với bà Kiên Thị Thu H, ông Nguyễn Văn L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, cụ thể:

1.1 Buộc bà Kiên Thị Thu H chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tính đến ngày tính đến ngày 13/4/2023 là: 114.462.135 đồng. (Một trăm mười bốn triệu bốn trăm sáu mươi hai ngàn một trăm ba mươi lăm đồng); trong đó: Vốn gốc: 92.254.848 đồng; Lãi phát sinh: 22.207.305 đồng) theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/10/2018. Bà Kiên Thị Thu H còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên các khoản nợ gốc với mức lãi suất thỏa thuận theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/10/2018 kể từ ngày 14/4/2023 cho đến khi bà H trả dứt nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

1.2 Buộc bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tính đến ngày 13/4/2023 còn nợ lại là 35.460.000 đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng); trong đó: Vốn gốc: 35.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 460.000 đồng theo Hợp

đồng tín dụng số LD1829000064 ngày 17/10/2018.

Buộc bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tính đến ngày 13/4/2023 còn nợ là 58.566.000 đồng (Năm mươi tám triệu năm trăm sáu mươi sáu ngàn đồng); trong đó: Vốn gốc 58.180.000 đồng. Lãi trong hạn: 386.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số LD1914800188 ngày 28/05/2019.

Bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên các khoản nợ gốc với mức lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số LD1829000064 ngày 17/10/2018 và Hợp đồng tín dụng số LD1914800188 ngày 28/05/2019 kể từ ngày 14/4/2023 cho đến khi bà H và ông L trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Để đảm bảo quyền lợi cho bên cho vay, trong trường hợp nà Kiên Thị Thu H; bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T được quyền yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp theo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LD1829000064 ngày 18/10/2018. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 237,4 m^2 đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 653, tờ bản đồ số 05 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CS01809 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 06/12/2016 cho bà Kiên Thị Thu H làm chủ sử dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản số LD1914800188 ngày 28/05/2019 , tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 237,4 m^2 đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; thuộc thửa đất số 653, tờ bản đồ số 05 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN CS01809 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 06/12/2016 cho bà Kiên Thị Thu H làm chủ sử dụng.

2. Về án phí:

Bà Kiên Thị Thu H phải nộp là 5.723.100 đồng. (Năm triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn một trăm đồng)

Bà Kiên Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L phải nộp là 4.701.300 đồng (Bốn triệu bảy trăm lẽ một ngàn ba tram đồng)

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 6.527.000 (Sáu triệu năm trăm hai mươi bảy ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009903 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre; (1b)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1b)
- Chi cục THADS TP Bến Tre; (1b)
- Các đương sự; (3b)
- Lưu hồ sơ. (1b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Phong

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Phong

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Triều